TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2021/HS-PT
Ngày: 13 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Phan Văn Yên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 348/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Công T do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:* **Nguyễn Công T,** sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn M1, huyện T1, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ công an, trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3; vợ: Võ Thị Đ (Đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Trường Thành, Văn phòng luật sư Vạn Lý thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

- *Người bị hại:* Ông **Mai Xuân V**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: DC 31, Ô 46, khu dân cư V, khu phố 4, phường A, thành phố T4, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Cao Văn B**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường D, TP P, Kiên Giang. (vắng mặt)

2. Ông **Trương Phước N**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp R, xã H, TP P, Kiên Giang. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông **Ngô Minh H1,** sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp S xã D1, TP P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào năm 1998, Ông Cao Văn B sinh năm 1961, cư trú: Khu phố 3, thị trấn D, huyện P1, tỉnh Kiên Giang khai phá thửa đất khoảng 02 ha ở ấp S, xã D1, huyện P1, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 877/QĐ-UB, ngày 19/5/2005 thu hồi thửa đất của ông B phục vụ cho việc quy hoạch khu vực tái định cư 202 ha tại ấp S, xã D1 và giao Ủy ban nhân dân huyện P1 quản lý. Khi thu hồi đất, ông B được hỗ trợ bồi thường thiệt hại hoa màu, giải tỏa tổng số tiền 309.867.000 đồng. Sau khi đã nhận xong tiền hỗ trợ bồi thường thì ông B thấy những hộ dân khu vực đất của ông B tái bao chiếm phần đất đã bị thu hồi và sử dụng nên ông B cũng vào khu đất của ông B tiếp tục khai thác, sử dụng. Vào năm 2018, Nguyễn Công T sinh năm 1978, đăng ký thường trú: ấp M2, xã M3, huyện T1, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố M, thị trấn M1, huyện T1, tỉnh Tiền Giang) thông qua việc kinh doanh mua bán bất động sản nên quen biết với ông Cao Văn B. Trong khoảng thời gian này, ông B đã làm hợp đồng ủy quyền (quản lý, sử dụng, định đoạt) thửa đất ở ấp S, xã D1, huyện P1, tỉnh Kiên Giang cho bị cáo Nguyễn Công T.

Ngày 01/4/2018, bị cáo T thỏa thuận ký hợp đồng mua bán thành quả lao động gắn liền với đất (thửa đất có diện tích 6000m^2 nằm trong thửa đất ông B ủy quyền cho T quản lý) với ông Mai Xuân V sinh năm: 1957, nơi cư trú: DC 31, Ô 46, khu dân cư V, Khu phố 4, phường A, thị xã T5, tỉnh Bình Dương với giá 12 tỷ đồng Việt Nam. Sau khi ký hợp đồng xong, ông V đã thanh toán cho bị cáo T 3,3 tỷ đồng Việt Nam. Số tiền còn lại, sau 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, ông V sẽ thanh toán cho bị cáo T khi T làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên cho ông V đứng tên. Khi hết thời hạn theo thỏa thuận, bị cáo T không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông V nên ông V đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P1 tra cứu thông tin về thửa đất trên thì biết được thửa đất trên nằm trong khu vực đất rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ P2 quản lý, không được mua bán. Sau đó, ông V nhiều lần yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 3,3, tỷ đồng Việt Nam nhưng T không có khả năng thanh toán và bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm chiếm đoạt số tiền 3,3 tỷ đồng của ông V.

Tại Bản Kết luận giám định số: 101/KL-KTHS, ngày 13/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Công T và chữ viết gồm các chữ "Nguyễn Công T" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên của

Nguyễn Công T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 **do cùng một người ký và viết ra.**

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, quyết định:*

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Công T** phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm b, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công T 08 (Tám) năm tù.** Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Công T hoàn trả toàn bộ số tiền 3,3 tỷ đồng đã chiếm đoạt cho người bị hại Mai Xuân V. Bị cáo đã hoàn trả xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 05/5/2021, bị cáo Nguyễn Công T kháng cáo kêu oan

Ngày 10/5/2021, bị hại ông Mai Xuân V kháng cáo về phần tội danh và phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 27/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm tranh luận như sau:

Bản án sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

Cơ quan điều tra không thu thập chứng cứ là số tiền bị cáo đã bỏ ra để mua đất.

Đối với khoản tiền bị cáo đã thỏa thuận với ông V đầu tư vào thửa đất này, nhưng cơ quan điều tra không thu thập gì cả.

Cơ quan điều tra ngăn chặn tài sản của bị cáo tại Tiền Giang, nhưng bản án sơ thẩm không đề cập đến vấn đề này.

Thỏa thuận của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và có nội dung thỏa thuận dân sự nếu có tranh chấp thì Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện dân sự.

Sau khi mua, bán, bị cáo và ông V đã có thỏa thuận cùng đầu tư trên đất, vì vậy cần xác định ý thức chiếm đoạt của bị cáo trong trường hợp này là gì? Trong khi ông V cũng đề nghị bị cáo trả lại số tiền đầu tư trên đất. Bị cáo cũng đã hoàn trả hết số tiền 3,3 tỷ đồng cho ông V và ông V cũng đã có đơn đề nghị không xử lý bị cáo.

Bản án sơ thẩm buộc tội bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Công T kháng cáo kêu oan, người bị hại Mai Xuân V có yêu cầu kháng cáo về tội danh theo Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định, đánh giá về các nội dung kháng cáo, kháng nghị như sau:

[2.1] Trong vụ án này, nếu xét nội dung nhận định của Quyết định kháng nghị thì có thể thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Công T trước đó mặc dù đã biết rằng, thửa đất có diện tích 6000m^2 tọa lạc tại ấp S, xã D1, huyện P1, tỉnh Kiên Giang của ông Cao Văn B đã được nhà nước thu hồi, ông B đã nhận tiền bồi thường; nhưng bị cáo vẫn yêu cầu ông B viết giấy ủy quyền cho mình, sau đó dựa vào tờ giấy ủy quyền này, bị cáo đã hứa sẽ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để từ đó khiến người bị hại là ông Mai Xuân V tin tưởng thỏa thuận, ký hợp đồng mua bán thành quả lao động gắn liền với đất thửa đất với giá 12 tỷ đồng Việt Nam. Sau khi ký hợp đồng xong, ông V đã thanh toán cho bị cáo T 3,3 tỷ đồng. Số tiền còn lại, sau 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, ông V sẽ thanh toán cho bị cáo khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên đứng tên ông V. Khi hết thời hạn theo thỏa thuận, bị cáo T không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ông V. ông V nhiều lần yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 3,3 tỷ đồng nhưng T không có khả năng thanh toán và đến tháng 10/2019 T bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm chiếm đoạt số tiền nói trên của ông V. Như vậy, hành vi này của bị cáo Nguyễn Công T phải bị xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự mới đúng tội danh theo quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt hành vi của bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự là không phù hợp.

[2.2] Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Do có mối quan hệ làm ăn, quen biết trước đó giữa bị cáo và ông Cao Văn B. Mặc dù cả bị cáo và ông B đều biết diện tích đất này đã bị Nhà nước có quyết định thu hồi trước đó, bản thân ông B cũng đã nhận đầy đủ những khoản tiền do Nhà nước bồi thường. Như vậy, ông B không có quyền đối với tài sản này, nhưng tại sao ông B lại viết giấy ủy quyền về việc quản lý, sử dụng và định đoạt đối với thửa đất trên cho bị cáo T. Để từ đó, nhờ vào Tờ giấy ủy quyền này, bị cáo T đã sử dụng vào việc để người bị hại tin tưởng, thỏa thuận, ký hợp đồng và giao tiền. Như vậy, vấn đề cần làm rõ là:

Tại sao ông B lại viết giấy ủy quyền đối với tài sản không còn là của mình cho bị cáo, để từ đó tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt.

- Tại Biên bản đối chất ngày 05/8/2020 được tiến hành giữa ông Cao Văn B và bị cáo T tại bút lục số 181 đã thể hiện lời trình bày của ông B như sau: *"... lúc đó T có nói là có mối quan hệ quen biết nên có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. T có nói với tôi là giao thửa đất của tôi lại cho T, nếu sau này T làm giấy tờ được thì sẽ bán lại nếu được sẽ chia lợi nhuận lại cho tôi, còn chia như thế nào thì T chưa nói. Khi đó tôi đồng ý giao đất cho T".*

Đây là vấn đề cần làm rõ động cơ, mục đích của ông B trong trường hợp này là gì? Cần điều tra, làm rõ và xử lý nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

[2.3] Trong khi đó, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ cho thấy:

Tại các biên bản hỏi cung và ghi lời khai, cũng như Biên bản đối chất ngày 24/11/2020 (bút lục 184), bị cáo Nguyễn Công T không thừa nhận những nội dung như ông B đã trình bày, mà cho rằng mình đã mua của ông B, cụ thể: *"...Số tiền một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng tôi chuyển cho ông B là để mua thửa đất tại ấp S, xã D1, huyện P1, tỉnh Kiên Giang. Từ trước tới nay tôi không có hùn vốn làm ăn với ông B."*

Tại Biên bản đối chất này, ông B thừa nhận: *"... trong thời gian khoảng năm 2018, tôi và T có hùn vốn làm ăn mua bán đất với nhau tại P4 để kiếm lời. Khi đó, T có chuyển cho tôi số tiền một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng để hùn vốn mua đất tại P4..."*

Chứng cứ đã thu thập tại bút lục số 280 là "Sao kê chi tiết giao dịch" tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh P4 đối với khách hàng Cao Văn B (có xác nhận dấu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang) thể hiện: Trong các ngày: 19/11/2018, trung chuyển vào tài khoản này của ông B là 200.000.000 đồng; ngày 30/11/2018 trung chuyển số tiền 400.000.000 đồng và ngày 19/12/2018 trung chuyển số tiền 450.000.000 đồng. Hai lần chuyển tiền trước đều ghi rõ nội dung chuyển tiền là: *" trung chuyển trả tiền mua đất ấp S xã D1 P1 Kiên Giang",* lần thứ 3 không ghi nội dung chuyển tiền.

Như vậy, đây là vấn đề cần xem xét, đánh giá để làm rõ tính xác thực và khách quan trong lời khai của ông Cao Văn B cũng như bị cáo Nguyễn Công T, để từ đó mới có cơ sở giải quyết vụ án một cách đúng đắn, khách quan và toàn diện.

[3] Tóm lại: Như đã phân tích và nhận định ở phần trên, do trong quá trình giải quyết vụ án này, việc điều tra, thu thập và đánh giá chứng cứ cũng như xác định tội danh chưa đúng quy định của pháp luật. Những thiếu sót này đã có ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết đúng đắn, khách quan và toàn diện vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu kháng cáo của người bị hại, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Luật sư bào chữa là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 358 và Điều 360 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị hại Mai Xuân V và Quyết định kháng nghị số 38/QĐ/VC3-V1 ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công T.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục giam giữ bị cáo để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Bị cáo T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kiên Giang; (Tống đạt cho bị cáo)
- Bị hại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 19bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn **Phan Văn Yên** **Phạm Công Mười**